

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Kỹ thuật Cơ khí; Chuyên ngành: Cơ-điện tử

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN HỮU CƯỜNG

2. Ngày tháng năm sinh: 06/11/1980; Nam ☒ ; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: Phường Ô Môn, Thành phố Cần Thơ

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 135A Mậu Thân, Phường Cái Khế, Thành phố Cần Thơ

6. Địa chỉ liên hệ: Trường Bách khoa, Trường Đại học Cần Thơ, Khu II, Đường 3/2, Phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Điện thoại di động: 0901020158; E-mail: nhcuong@ctu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ 6/2003 đến 6/2025: Giảng viên, Trường Đại học Cần Thơ

- Từ 11/2008 đến 11/2010: học Cao học tại Trường Đại học Bách khoa, Đại học Quốc gia TP HCM

- Từ 10/2011 đến 02/2016: Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Ulsan, Hàn Quốc

Chức vụ: Hiện nay: Phó Trưởng khoa Khoa Kỹ thuật cơ khí, Trường Bách khoa, Trường Đại học Cần Thơ;

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng khoa

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Kỹ thuật cơ khí, Trường Bách khoa, Trường Đại học Cần Thơ

Địa chỉ cơ quan: Khu II, Đường 3/2, Phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

Điện thoại cơ quan: 0292 3832 663

8. Đã nghỉ hưu: Không

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối: Không

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 03 tháng 9 năm 2003; số văn bằng: B478623; ngành: Điện tử; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 27 tháng 10 năm 2011; số văn bằng: CH11-0558; ngành: Kỹ thuật; chuyên ngành: Tự động hóa; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Bách khoa, Đại học Quốc gia TP HCM, Việt Nam.

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 19 tháng 02 năm 2016; số văn bằng: không có; ngành: Kỹ thuật Cơ khí và Ô tô; chuyên ngành: Cơ-điện tử; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Ulsan, Hàn Quốc. Cục Quản lý chất lượng công nhận văn bằng Tiến sĩ số 001020/CNVB.TS ngày 21 tháng 9 năm 2017.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Hội đồng Giáo sư cơ sở Số 2, Trường Đại học Cần Thơ

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Cơ khí- Động lực

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng nghiên cứu 1: Robotics và tự động hóa

- Hướng nghiên cứu 2: Nông nghiệp thông minh và IoT

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn 10 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 03: cấp Cơ sở; 02: cấp Thành phố; 01: cấp Bộ;

- Đã công bố 26 bài báo khoa học, trong đó 11 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp 01 bằng độc quyền giải pháp hữu ích (đồng tác giả)
- Số lượng sách đã xuất bản 01 giáo trình, trong đó 01 giáo trình thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật ô tô trình độ Đại học và tham gia xây dựng chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật cơ khí trình độ Thạc sĩ, hiện đang được áp dụng tại Trường Đại học Cần Thơ.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen, Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo, năm 2018
- Bằng khen, Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo, năm 2023
- Bằng khen, Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo, năm 2025
- Bằng khen, Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ, năm 2021
- Danh hiệu, Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, năm 2023.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Thực hiện tốt nhiệm vụ của giảng viên theo quy định của Luật giáo dục, Luật giáo dục đại học, chế độ làm việc của giảng viên và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Đã chủ trì và tham gia biên soạn chương trình, giáo trình và sách phục vụ đào tạo khác; giảng dạy, hướng dẫn đồ án, luận văn tốt nghiệp đại học, luận văn thạc sĩ, chuyên đề cao học và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác theo quy định.
- Tích cực trong hoạt động nghiên cứu, phát triển ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ, đảm bảo chất lượng đào tạo.
- Luôn cố gắng rèn luyện đạo đức, tác phong khoa học, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và tham gia các nhóm nghiên cứu khoa học, công nghệ.
- Có quan hệ tốt với đồng nghiệp về công tác chuyên môn, tham gia các hoạt động tư vấn khoa học, công nghệ, chuyển giao công nghệ phục vụ kinh tế xã hội, quốc phòng, an ninh và các công tác khác.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 22 năm
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2019-2020			2	8	805	30	835/1.154,95/270
2	2020-2021				6	780		780/934,3/280
3	2021-2022				4	780	60	840/974,2/280
03 năm học cuối								
4	2022-2023					1.290	60	1.350/1.173,8/280
5	2023-2024				8	1.305	90	1.395/1.219,67/280
6	2024-2025					930	165	1.095/877.55/280

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐ ; tại nước: Hàn Quốc năm 2016

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Cần Thơ

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): TOEIC

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên HVCH/CK2 /BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/B SNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Hoàng Thịnh		HVCH	x		2016-2017	Trường ĐH Cần Thơ	QĐ tốt nghiệp 5178/QĐ- ĐHCT ngày 29/12/2017 Ngày cấp Bằng tốt nghiệp 04/4/2018
2	Trần Công Bằng		HVCH	x		2017-2018	Trường ĐH Cần Thơ	QĐ tốt nghiệp 4570/QĐ- ĐHCT ngày 16/10/2018 Ngày cấp Bằng tốt nghiệp 01/11/2018
3	Trần Thiên Trường		HVCH	x		2017-2018	Trường ĐH Cần Thơ	QĐ tốt nghiệp 4570/QĐ- ĐHCT ngày 16/10/2018 Ngày cấp Bằng tốt nghiệp 01/11/2018
4	Võ Phạm Thiên Thảo		HVCH	x		2017-2018	Trường ĐH Cần Thơ	QĐ tốt nghiệp 4570/QĐ- ĐHCT ngày 16/10/2018 Ngày cấp Bằng tốt nghiệp 01/11/2018
5	Nguyễn Hoàng Giang		HVCH	x		2017-2018	Trường ĐH Cần Thơ	QĐ tốt nghiệp 4852/QĐ- ĐHCT ngày 24/10/2018 Ngày cấp Bằng tốt nghiệp 01/11/2018
6	Nguyễn Thanh Nhã		HVCH	x		2017-2019	Trường ĐH Cần Thơ	QĐ tốt nghiệp 4881/QĐ- ĐHCT ngày 18/10/2019 Ngày cấp Bằng tốt nghiệp 11/11/2019
7	Nguyễn Huỳnh Viên Thông		HVCH	x		2017-2019	Trường ĐH Cần Thơ	QĐ tốt nghiệp 4881/QĐ- ĐHCT ngày 18/10/2019 Ngày cấp Bằng tốt nghiệp 11/11/2019
8	Huỳnh Minh Vũ		HVCH	x		2019-2019	Trường ĐH Cần Thơ	QĐ tốt nghiệp 4881/QĐ- ĐHCT ngày 18/10/2019 Ngày cấp Bằng tốt nghiệp 11/11/2019
9	Phạm Văn Lành		HVCH	x		2020-2020	Trường ĐH Cần Thơ	QĐ tốt nghiệp 5016/QĐ- ĐHCT ngày 31/12/2020 Ngày cấp Bằng tốt nghiệp 31/12/2020

TT	Họ tên HVCH/CK2 /BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/B SNT	Chính	Phụ			
10	Phạm Lê Xuân Đạt		HVCH	x		2020-2021	Trường ĐH Cần Thơ	QĐ tốt nghiệp 5224/QĐ- ĐHCT ngày 30/11/2021 Ngày cấp Bằng tốt nghiệp 30/11/2021

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Giáo trình kỹ thuật nâng chuyên	GT	NXB Đại học Cần Thơ, 2024	2	x	Chương 2-8 (trang 18-87)	Giấy xác nhận sử dụng 1772/GXN- ĐHCT ngày 28/5/2025

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1					
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
1	Nghiên cứu và thiết kế giải thuật điều khiển và xử lý thông tin dùng cho thiết bị scan 3D (chụp ảnh vật thể ba chiều)	CN	T2016-09, Cấp cơ sở	5/2016 – 12/2016	- Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu 5473/QĐ-ĐHCT ngày 12/12/2016 - Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu ngày 30/12/2016 - Xếp loại: Tốt
2	Thiết kế chế tạo công nghệ chép hình CNC phục vụ ngành cơ khí phụ trợ thành phố Cần Thơ	CN	DP2017-30, Cấp thành phố	11/2017 – 02/2019	- Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu 38/QĐ-SKHCHN ngày 25/02/2019 - Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu ngày 28/02/2019 - Xếp loại: Đạt
3	Nghiên cứu ứng dụng IoT trong giám sát và vận hành tự động hệ thống chế biến bánh tráng rế	CN	T2018-12, Cấp cơ sở	5/2018 – 8/2019	- Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu 3672/QĐ-ĐHCT ngày 26/8/2019 - Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu ngày 27/8/2019 - Xếp loại: Tốt
4	Nghiên cứu công nghệ IoT áp dụng cho sản xuất hoa màu công nghệ cao	CN	B2020-TCT-04, Cấp bộ	4/2020 – 01/2023	- Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu 3821/QĐ-BGDĐT ngày 22/11/2022 - Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu ngày 28/02/2019 - Xếp loại: Đạt
5	Hoàn thiện máy cắt plasma điều khiển số tự động phục vụ ngành cơ khí hỗ trợ tại thành phố Cần Thơ	CN	DP2020-10, Cấp thành phố	8/2020 – 12/2022	- Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu 333/QĐ-SKHCHN ngày 15/12/2022 - Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu ngày 22/12/2022 - Xếp loại: Khá
6	Nghiên cứu và thiết kế bộ điều khiển tự lái cho mô hình xe điện	CN	T2023-112, Cấp cơ sở	6/2023-12/2024	- Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu 5809/QĐ-ĐHCT ngày 26/11/2024 - Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu ngày 12/12/2024 - Xếp loại: Tốt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS <i>(trước 02/2016, sắp xếp theo thứ tự thời gian)</i>							
1	Eye-Gaze Detection with a Single WebCAM Based on Geometry Features Extraction	2	x	Proceedings of the 11 th International Conference on Control, Automation, Robotics and Vision (ICARCV2010) ISBN: 978-1-4244-7815-6 https://doi.org/10.1109/ICARCV.2010.5707319	IEEE	58	2507-2512	12/2010
2	Laser-Vision-based Quality Inspection System for Small-Bead Laser Welding	2	x	International Journal of Precision Engineering and Manufacturing ISSN: 2234-7593 eISSN: 2005-4602 https://doi.org/10.1007/s12541-014-0352-7	SCIE Scopus (1.789, Q2)	81	Vol. 15 415-423	3/2014
3	Dimension Measurement for Large-Scale Moving Objects Using Stereo Camera with 2-DOF Mechanism	2	x	Journal of the Korean Society for Precision Engineering ISSN: 1225-9071 eISSN: 2287-8769 https://doi.org/10.7736/KSPE.2015.32.6.543	Scopus (Q3)	2	Vol. 32(6) 543-551	6/2015
4	Development of Laser-Vision System for 3D Circle Detection and Radius Measurement	2	x	OPTIK ISSN: 0030-4026 eISSN: 1618-1336 https://doi.org/10.1016/j.ijleo.2015.09.131	SCIE Scopus (2.443, Q2)	22	Vol. 126(24) 5412-5419	12/2015
II	Sau khi được công nhận TS <i>(sắp xếp theo tác giả chính và thứ tự thời gian)</i>							

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
5	3D Model Reconstruction System Development Based on Laser-Vision Technology	2	x	International Journal of Automation Technology ISSN: 1881-7629 eISSN: 1883-8022 https://doi.org/10.20965/ija.t.2016.p0813	ESCI Scopus (Q2)	9	Vol. 10(5) 813-820	9/2016
6	Mô phỏng mô hình động học của robot dây trên mặt phẳng	4	x	Tạp chí Khoa học Trường ĐH Cần Thơ ISSN: 1859-2333 https://doi.org/10.22144/ctu.jsci.2017.007			Số chuyên đề (2017) 54-57	4/2017
7	Study on the 3D Assembly Inspection of Two-Step Variable Valve Lift Modules Using Laser-Vision Technology	3	x	Transactions of Korean Society of Mechanical Engineers A ISSN: 1226-4873 eISSN: 2288-5226 https://doi.org/10.3795/KSME-A.2017.41.10.949	Scopus (Q4)	2	Vol. 41(10) 949-957	10/2017
8	Defect Detection Using Machine Vision for Leather Surface Inspection	2	x	Proceedings of the 21 st International Conference on Mechatronics Technology ICMT2017 ISBN: 978-604-63-2635-9			232-235	10/2017
9	A Machine Vision Based Method for Shrimp Weight Estimation	2	x	Proceedings Scientific Research Results for Training ISBN: 978-604-67-1032-5			23-28	12/2017
10	A Vision-Based Wheel Disc Inspection System	3	x	Lecture Notes in Networks and Systems ISSN: 2367-3370 eISSN: 2367-3389 https://doi.org/10.1007/978-3-030-04792-4_16	Scopus (Q4)	3	Vol. 63 109-115	11/2018

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
11	Automated Production Process Using PLC Based on IoT Platform	4	x	Proceedings of the 15 th International Conference on Multimedia Information Technology and Applications MITA 2019 ISSN: 1975-4736			130-132	7/2019
12	A Vision-Based Method of Reverse Engineering for 2D CNC Machining	2	x	Lecture Notes in Networks and Systems ISSN: 2367-3370 eISSN: 2367-3389 https://doi.org/10.1007/978-3-030-37497-6_11	Scopus (Q4)	2	Vol. 104 100-106	12/2019
13	Fuzzy-PID-Based Improvement Controller for CNC Feed Servo	3	x	Lecture Notes in Computer Science ISSN: 0302-9743 eISSN: 1611-3349 https://doi.org/10.1007/978-3-030-68452-5_4	Scopus (Q2)	1	Vol. 12616 38-46	02/2021
14	A Self-Calibration Method for 2D Vision-based Reverse Engineering	3	x	Proceedings of the 24 th International Conference on Mechatronics Technology ICMT2021 ISBN: 978-1-6654-2460-8 eISBN: 978-1-6654-2459-2 https://doi.org/10.1109/ICMT53429.2021.9687276	IEEE		1-4	12/2021
15	Thiết kế hệ thống trợ lái cho cầu container	5	x	Tạp chí cơ khí Việt Nam ISSN 2615-9910			Số đặc biệt 77-82	12/2021
16	Thu thập dữ liệu ba chiều với kỹ thuật chiếu sáng có cấu trúc	3	x	Tạp chí cơ khí Việt Nam ISSN 2615-9910			Số đặc biệt 441-446	12/2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
17	Xây dựng hệ thống giám sát tự động các thông số nông học và môi trường trong trồng rau thủy canh	3	x	Tuyển tập Hội nghị-Triển lãm quốc tế lần thứ 6 về điều khiển và tự động hóa VCCA 2021 ISBN: 978-604-95-0875-2			730-735	4/2022
18	Vision-based Inspection System for Leather Surface Defect Detection and Classification	4		Proceedings of the 5 th NAFOSTED Conference on Information and Computer Science NICS 2018 ISBN: 978-604-67-1173-5 https://doi.org/10.1109/NICS.2018.8606836	IEEE	24	300-304	11/2018
19	An Image Processing Algorithm for Pineapple Eyes Curve Construction	4		Proceedings of the 15 th International Conference on Multimedia Information Technology and Applications MITA 2019 ISSN: 1975-4736			14-17	7/2019
20	Nhận dạng vị trí tải trên cầu trục container bằng camera	5		JST: Engineering and Technology for Sustainable Development ISSN: 2734-9381			Vol. 31(2) 65-71	4/2021
21	A Force Model for Controlling the Destemming Process of the Chili Fruit	7		Lecture Notes in Networks and Systems ISSN: 2367-3370 eISSN: 2367-3389 https://doi.org/10.1007/978-3-030-92574-1_6	Scopus (Q4)		Vol. 366 59-68	12/2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
22	Unmanned Aerial Vehicle Imaging Application for Crop Health in Rice Field	4		Science & Technology Development Journal – Engineering and Technology ISSN: 2615-9872 https://doi.org/10.32508/std-jet.v5i1.941			Vol. 5(1) 1400-1406	4/2022
III	3 năm cuối (sắp xếp theo tác giả chính và thứ tự thời gian)							
23	Automatic Monitoring System for Hydroponic Farming: IoT-based Design and Development	3	x	Asian Journal of Agriculture and Rural Development ISSN 2304-1455 eISSN: 2224-4433 https://doi.org/10.55493/5005.v12i3.4630	Scopus (Q4)	13	Vol. 12 (3) 210-219	10/2022
24	Development of an electronic control unit for the electronic fuel injection and ignition system model	2	x	Proceeding of the 5 th International Conference on Machining, Materials and Mechanical Technologies IC3MT 2024 ISBN: 978-604-67-3008-8				8/2024
25	Lập bản đồ và so sánh chất lượng bản đồ 2D và 3D được tạo ra từ robot di động	2	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Đà Nẵng ISSN: 1859-1131 https://jst-ud.vn/jst-ud/article/view/9295			Vol. 22 No. 10 13-17	10/2024
26	Xây dựng giải pháp phát hiện làn đường sử dụng công nghệ thị giác máy	3	x	Tạp chí Cơ khí Việt Nam ISSN: 2615-9910 eISSN: 2815-5505			Số 327	4/2025
27	Establishment of Rice Yield Prediction Model Using Soil Compaction	3		Asian Journal of Agriculture and Biology ISSN: 2307-8553 https://doi.org/10.35495/ajab.2021.09.327	Scopus (Q2)		Vol. 2	02/2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
28	Thiết kế hệ thống gọt vỏ trái chanh tự động	3		Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ ISSN: 1859-2333 eISSN: 2815-5599 https://doi.org/10.22144/ctu.jvn.2023.128			Tập 59 Số 3 25-31	6/2023
29	The Face and number plate recognition for car anti-theft	4		CTU Journal of Innovation and Sustainable Development ISSN: 2588-1418 eISSN: 2815-6412 https://doi.org/10.22144/ctu.joisd.2023.041			Vol. 15 Special 110-118	10/2023
30	A 3D Location Estimating Model for Harvesting the Fresh Chili Fruit Using Yolov5	8		Lecture Notes in Mechanical Engineering ISSN: 2195-4356 eISSN: 2195-4364 https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-981-99-5613-5_15	Scopus (Q4)			10/2023
31	Evaluation of land roughness and weather effects on paddy field using cameras mounted on drone: A comprehensive analysis from early to mid-growth stages	6		Journal of King Saud University - Computer and Information Sciences ISSN: 1319-1578 https://doi.org/10.1016/j.jksuci.2023.101853	SCIE Scopus (Q1)		Vol. 35 No. 10	12/2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
32	Design a Computer Vision Approach to Localize, Detect and Count Rice Seedlings Captured by a UAV-Mounted Camera	5		Computers, Materials & Continua ISSN: 1546-2218 eISSN: 1546-2226 https://www.techscience.com/doi/10.32604/cmc.2025.064007	SCIE Scopus (Q2)		Vol. 83 No. 3	5/2025

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: **06** bài (5, 7, 10, 12, 13, 23)

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1	Phương pháp làm nhẵn mịn bề mặt trong tái dựng mô hình 3D	Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ	01/6/2023	Đồng tác giả	3

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: **0**

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: 0

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Kỹ thuật cơ khí, trình độ thạc sĩ	Tham gia	Quyết định số 61/QĐ-ĐHCT, ngày 09/01/2023	Trường Đại học Cần Thơ	Quyết định số 805/QĐ-ĐHCT, ngày 02/3/2023	Xây dựng chương trình đào tạo
2	Kỹ thuật ô tô, trình độ đại học	Chủ trì	Quyết định số 112/QĐ-ĐHCT, ngày 12/01/2024	Trường Đại học Cần Thơ	Quyết định số 355/QĐ-ĐHCT, ngày 29/01/2024	Xây dựng chương trình đào tạo

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

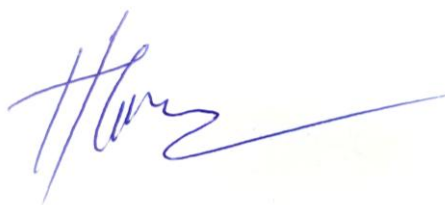
C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Cần Thơ, ngày 20 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Hữu Cường